



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 18

Ngày 01 tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 05-3-2014 - Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 15-02-2014 - Quyết định số 670/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án Quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. 6
- 15-02-2014 - Quyết định số 671/QĐ-UBND ban hành Quy định công tác trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. 30

Trang

21-02-2014- Quyết định số 768/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

52

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm,
phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan
đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 về ban hành mức

thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định về mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm:

Số TT	CÁC TRƯỜNG HỢP NỘP LỆ PHÍ	MỨC THU (đồng/hồ sơ)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	70.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000

2. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án): 30.000 đồng/trường hợp.

Điều 2. Quản lý và sử dụng phí, lệ phí

Cơ quan thu phí, lệ phí thực hiện quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên.

Mức tỷ lệ phần trăm trích để lại như sau:

1. Đối với lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 85% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu lệ phí theo chế độ quy định và nộp 15% vào ngân sách nhà nước.

2. Đối với phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm: Cơ quan thu phí được trích lại 65% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo chế độ quy định và nộp 35% vào ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 62/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 84/2010/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm áp dụng tại các cơ quan đăng ký thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cá nhân và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 670/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt đề án Quy hoạch bố trí dân cư
phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020”;

Căn cứ Công văn số 1610/BNN-KTHT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy trình thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 62/BNN-KTHT ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn rà soát, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo kết luận số 661-TB/TU ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án quy hoạch, bố trí dân cư phòng, tránh thiên tai trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 05/TB-VP ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lê Hoàng Quân tại buổi họp về Đề án quy hoạch bố trí dân cư phòng, tránh thiên tai trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 94/TTr-SNN-PTNT ngày 16 tháng 01 năm 2014 về đề nghị phê duyệt Đề án Quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án “Quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020” (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Căn cứ nội dung đề án Quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 đã được phê duyệt, các Sở, ngành, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đề án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng; Cục Thuế Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn có hộ di dời chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015
và định hướng đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 670/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Phần 1

NHU CẦU SỐ HỘ CẦN DI DỜI, BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thực trạng tình hình sạt lở trên địa bàn thành phố:

- Toàn thành phố có 62 vị trí có nguy cơ sạt lở, chia ra:

+ **Đặc biệt nguy hiểm:** 29 vị trí; gồm Quận 2 (3 vị trí), Quận 8 (1 vị trí), quận Bình Thạnh (7 vị trí), quận Thủ Đức (2 vị trí), huyện Nhà Bè (12 vị trí), huyện Bình Chánh (4 vị trí).

+ **Nguy hiểm:** 18 vị trí; gồm Quận 2 (2 vị trí), quận Bình Thạnh (1 vị trí), quận Thủ Đức (5 vị trí), huyện Nhà Bè (6 vị trí), huyện Cần Giờ (4 vị trí).

+ **Bình thường:** 15 vị trí; gồm Quận 9 (1 vị trí), Quận 12 (2 vị trí), huyện Củ Chi (3 vị trí), huyện Nhà Bè (1 vị trí), huyện Cần Giờ (8 vị trí).

- Theo Báo cáo mới nhất của Khu Quản lý đường thủy nội địa (công văn số 402/KQLĐTND-KH ngày 04 tháng 04 năm 2012), trong 62 vị trí sạt lở, có 38 vị trí đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở:

+ Khu Quản lý đường thủy nội địa làm chủ đầu tư: 19 vị trí, với tổng chiều dài 11,907 km.

+ Các quận, huyện và đơn vị khác làm chủ đầu tư: 19 vị trí, với tổng chiều dài 15,96 km.

Còn lại 24 vị trí chưa có chủ trương đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở, trong đó:

+ Có 7 vị trí đặc biệt nguy hiểm cần cấp bách đầu tư xây dựng kè phòng chống sạt lở trong năm 2012.

+ 17 vị trí nguy hiểm còn lại đề xuất đầu tư xây dựng kè giai đoạn 2013 - 2016.

2. Nhu cầu số hộ cần di dời, bố trí dân cư phòng tránh thiên tai tại 24 vị trí chưa có chủ trương đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở giai đoạn 2014 - 2016:

Trên địa bàn thành phố có 6 quận, huyện, 22 xã, phường với 1.294 hộ, 5.075 nhân khẩu cần thực hiện di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai (phụ lục 1.a, 1.b), trong đó:

- *Di dời các hộ tại 7 khu vực đặc biệt nguy hiểm:* 462 hộ, gồm Quận 2 (71 hộ), quận Bình Thạnh (51 hộ), huyện Nhà Bè (232 hộ), huyện Bình Chánh (108 hộ).

- *Di dời các hộ tại 17 khu vực nguy hiểm:* 832 hộ gồm quận Thủ Đức (44 hộ) và huyện Cần Giờ (788 hộ, tính luôn 400 hộ phòng tránh bão).

Tổng số 1.294 hộ cần di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai, trong đó:

+ Di dời phòng tránh bão (xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ): 400 hộ, 1.566 nhân khẩu.

+ Di dời sạt lở đất ven sông, kênh rạch: 894 hộ, 3.509 nhân khẩu, chia ra:

* *Quận 2 (3 phường: Bình Trưng Tây, An Phú, Thạnh Mỹ Lợi): 71 hộ, 262 nhân khẩu.*

* *Quận Bình Thạnh (3 phường: Phường 25, 27, 28): 51 hộ, 134 nhân khẩu.*

* *Quận Thủ Đức (3 phường: Hiệp Bình Chánh, Hiệp Bình Phước, Linh Đông): 44 hộ, 172 nhân khẩu.*

* *Huyện Cần Giờ (6 xã, thị trấn): 388 hộ, 1.586 nhân khẩu.*

* *Huyện Nhà Bè (4 xã: Phước Lộc, Phước Kiển, Nhơn Đức, Hiệp Phước): 232 hộ, 975 nhân khẩu.*

* *Huyện Bình Chánh (2 xã Tân Nhựt và Bình Hưng): 108 hộ, 380 nhân khẩu.*

Phần 2

QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Quan điểm:

- Bố trí dân cư phòng tránh thiên tai phù hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố của từng quận - huyện gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các xã. Tùy theo tình hình thực tế tại mỗi địa phương có thể bố trí các điểm dân cư mới hoặc xen ghép, tránh không gây biến động lớn trong đời sống nhân dân.

- Quy hoạch các điểm tái định cư nông thôn mới phải dựa trên tiêu chí xây dựng nông thôn mới và quy chuẩn quy hoạch xây dựng hiện hành.

- Xây dựng các khu dân cư tập trung phù hợp giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư xây dựng mới, đồng bộ về cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Bố trí ổn định dân cư thực hiện chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, ưu tiên phương án di dời, bố trí dân cư tại địa bàn nội bộ xã, đảm bảo cự ly di chuyển ngắn, không xáo trộn về đời sống và sản xuất, người dân được tái định cư có thể sản xuất trên đất cũ với ngành nghề đã làm trước đó. Đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường.

2. Định hướng:

- Xã hội hóa công tác di dân, nhà nước tạo môi trường khuyến khích và huy động mọi nguồn lực di dời, bố trí ổn định dân cư phòng tránh thiên tai.

- Quy hoạch di dời, bố trí dân cư phòng tránh thiên tai phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, tận dụng mọi nguồn nhân lực để khai thác hợp lý các tài nguyên, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái bền vững.

- Quy hoạch di dời bố trí dân cư phải gắn liền với chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các hộ dân sau khi tái định cư.

- Hình thành các khu dân cư theo chương trình xây dựng nông thôn mới, phù hợp truyền thống văn hóa, củng cố an ninh quốc phòng.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

- Từ nay đến năm 2016: Ưu tiên tiến hành, di dời, bố trí dân cư phòng tránh thiên tai tại các khu vực nguy hiểm và đặc biệt nguy hiểm, triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh; không còn trường hợp lấn chiếm ven sông, ven biển sạt lở cần phải di dời khẩn cấp.

- Tầm nhìn đến năm 2020: gắn kết với chương trình mục tiêu xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, từng bước ổn định đời sống các hộ dân sau tái định cư tiến tới hình thành các điểm dân cư mới có đầy đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Di dời bố trí khẩn cấp cho 1.294 hộ dân đang sinh sống trong khu vực nguy hiểm hoặc đặc biệt nguy hiểm vào các điểm dân cư hiện hữu hay khu tái định cư tập trung trên địa bàn 06 quận, huyện, bao gồm: Quận 2, Bình Thạnh, Thủ Đức, huyện Nhà Bè, Bình Chánh và Cần Giờ.

- Nâng cao chất lượng đời sống người dân sau di dời tái định cư:

+ Tỷ lệ hộ dùng nước sạch: 100%.

+ Tỷ lệ hộ dùng điện: 100%

+ Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường: 100%, phấn đấu đến 2015 - 2020: 100% trường mẫu giáo, tiểu học, trung học đạt chuẩn quốc gia.

+ Giai đoạn 2015 - 2020: 100% trạm y tế xã, phường nâng cấp đạt chuẩn quốc gia.

4. Phân kỳ giai đoạn thực hiện mục tiêu bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Tp.HCM đến năm 2020:

4.1. Giai đoạn thực hiện mục tiêu ưu tiên (2014 - 2016): hoàn thành việc di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai cho 1.294 hộ đang sinh sống tại khu vực nguy hiểm hoặc đặc biệt nguy hiểm (phụ lục 2), cụ thể như sau:

- Năm 2014: tập trung thực hiện hoàn thành 647 hộ (50%), ưu tiên thực hiện trước đối với 462 hộ thuộc khu vực đặc biệt nguy hiểm;

- Năm 2015: thực hiện hoàn thành tiếp theo 388 hộ (30%);

- Năm 2016: thực hiện hoàn thành tiếp theo 259 hộ (20%) và tổng kết thực hiện đề án.

4.2. Giai đoạn ổn định dân cư và ứng phó với thiên tai (2017 - 2020):

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng như đê, kè, đường giao thông và một số công trình phúc lợi xã hội để ổn định cuộc sống người dân.

- Xây dựng các phương án sản xuất nhằm ổn định, phát triển sản xuất, nâng cao cuộc sống người dân, nhất là với các hộ thuộc các xã đặc biệt khó khăn.

Phần 3

QUY HOẠCH DI DỜI BỐ TRÍ DÂN CƯ PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

Theo Thông tư số 31/2009/TT-BXD, ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành tiêu chuẩn quy hoạch nông thôn:

STT	Loại đất	QCXD (m ² /người)	Đề án quy hoạch		
			Chỉ tiêu m ² /người	Tỷ lệ (%)	Đề xuất hạn mức giao đất ở cho một hộ di dời tái định cư từ 50- 150 m ² , bình quân 100m ² , tùy theo tình hình thực tế ở địa phương
1	Đất ở (các lô đất gia đình)	≥25	100	67,6	
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng	≥5	20	13,5	
3	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	≥5	20	13,5	
4	Đất cây xanh công cộng	≥2	8	5,4	
5	Tổng cộng	≥37	148	100,0	
	Đất phục vụ sản xuất	Theo thực tế	Theo thực tế		

2. Địa điểm, quy mô diện tích tái định cư:

Theo tình hình thực tế tại địa phương được xác định hình thức tái định cư tập trung hay xen cài trong các khu dân cư hiện hữu. Cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Hình thức bố trí tái định cư đến năm 2016				Đất ở (ha)
		Tổng số hộ dân	Trong đó		Vị trí	
			Xen ghép	Tập trung		
1	Quận 2	71	71		Khu vực thuộc phường và các chung cư Quận 2	0,71
2	Quận Bình Thạnh	51	51		Khu vực thuộc phường và các chung cư Quận Bình Thạnh	0,51
3	Quận Thủ Đức	44	44			0,44
4	Huyện Cần Giờ	788		788		7,88

	- Xã Bình Khánh			388	Các khu vực dân cư thuộc xã: Cọ Dầu, Kho Đồng, Bình Trung	3,88
	- Xã An Thới Đông				Các khu vực thuộc xã: Mốc Keo, Mút Bột, Rạch Lá, An Nghĩa	
	- Xã Lý Nhơn				Các khu vực thuộc xã: Vàm Sát, Tân Điền	
	- Xã Tam Thôn Hiệp				Các khu vực thuộc xã: An Lộc, Trần Hưng Đạo	
	- Xã Long Hòa				Ấp Hòa Hiệp thuộc xã	
	- TT Cần Thạnh				Khu Giồng Ao, Tắc Xuất	
	- Xã Thạnh An			400	Thị trấn Cần Thạnh	4,0
5	Huyện Nhà Bè	232		232	Nội huyện và nội xã	2,32
6	H. Bình Chánh	108	108		Khu vực dân cư thuộc xã	1,08
Toàn thành phố		1.294	274	1.020		12,94

Quyết định tái định cư đề xuất:

- Tổng nhu cầu diện tích sử dụng đất tái định cư khoảng 20 ha, trong đó dành cho đất ở là 12,94 ha với 5.075 nhân khẩu, còn lại là đất dành cho công viên cây xanh và cơ sở hạ tầng khác.

- Đất công còn dự trữ hoặc thu hồi từ diện tích chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả của các tổ chức, các nông trường hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc mua lại đất nông nghiệp tại vùng sản xuất năng suất thấp, không hiệu quả theo nguyên tắc thỏa thuận bồi thường và chuyển đổi chức năng sử dụng đất.

- Các điểm tái định cư tập trung được bố trí san lấp mặt bằng, đảm bảo cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật nhằm mang lại cuộc sống tốt hơn cho nhân dân.

3. Hình thức di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai:

3.1. Bố trí theo hình thức tập trung:

Tổng cộng: 1.020 hộ, 4.127 nhân khẩu, gồm:

+ **Huyện Cần Giò:** 788 hộ, 3.152 nhân khẩu, trong đó:

. Tái định cư hộ sạt lở: 388 hộ, 1.586 nhân khẩu

. Tái định cư hộ phòng tránh bão: 400 hộ, 1.566 nhân khẩu

+ **Huyện Nhà Bè:** 232 hộ sạt lở, 975 nhân khẩu

3.2. Bố trí theo hình thức xen ghép:

Tổng cộng: 274 hộ, 948 nhân khẩu, gồm:

+ Quận 2: 71 hộ sạt lở, 262 nhân khẩu

+ Quận Bình Thạnh: 51 hộ sạt lở, 134 nhân khẩu

+ Quận Thủ Đức: 44 hộ sạt lở, 172 nhân khẩu

+ Huyện Bình Chánh: 108 hộ sạt lở, 380 nhân khẩu.

Phần 4

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp về đất đai:

- Mức giao đất ở từ 50-150 m²/hộ, (bình quân 100 m²/hộ) tùy theo tình hình thực tế từng địa phương và do Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định.

- Tận dụng ao hồ, đất trống để bố trí tái định cư nhằm đảm bảo ít xáo trộn sản xuất các hộ tái định cư.

- Miễn thu tiền sử dụng đất các hộ dân di dời theo đề án.

* Đối với hộ dân phòng tránh bão từ xã Thanh An, Cần Giò: tổ chức di dời về đất liền tại Thị trấn Cần Thạnh; Nhà nước có chính sách hỗ trợ cấp đất, tạo điều kiện xây dựng nhà ở ổn định cuộc sống người dân, cụ thể:

- Cấp đất xây dựng nhà ở theo quy hoạch.

- Xây dựng hạ tầng trong cụm dân cư mới, nhà ở cho hộ tái định cư.

- Hỗ trợ tiền di dời đến nơi ở mới, nhằm ổn định cuộc sống trong giai đoạn đầu.

* Đối với hộ di dời sạt lở ven sông ven biển và vùng ngập trũng:

Cần đối giải quyết quỹ nhà, quỹ đất để bố trí tái định cư cho các hộ di dời. Đối với hình thức di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai theo hình thức xen ghép, chủ đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các quận - huyện về chuẩn bị vị trí tái định cư, thời gian thực hiện, cụ thể:

- Dựa vào quỹ nhà ở và quỹ đất công của địa phương cùng với sự hỗ trợ của nhà nước để tạo lập quỹ nhà ở cho các hộ di dời.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng theo sự hỗ trợ của nhà nước.

- Hỗ trợ tiền di dời đến nơi ở mới, nhằm ổn định cuộc sống trong giai đoạn đầu.

2. Giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng nơi tái định cư:

- Xây dựng kết cấu hạ tầng đối với khu định cư tập trung: cần quan tâm chú ý thời gian xây dựng cơ sở hạ tầng nơi tái định cư (bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp, đường giao thông nội vùng và liên vùng, hệ thống điện, nước, và các công trình phúc lợi khác):

+ Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp đất ở tại điểm tái định cư;

+ Giao thông nội vùng và liên vùng;

+ Hệ thống điện, nước, hạ tầng kỹ thuật khác;

+ Xây dựng các công trình phúc lợi xã hội.

- *Đối với các xã, phường nhận hộ dân đến ở ghép:*

+ Hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020 để thực hiện các nội dung: điều chỉnh đất ở, đất sản xuất để giao cho các hộ mới đến, xây dựng mới hoặc nâng cấp một số công trình hạ tầng thiết yếu.

+ Các định mức xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã được ban hành, theo định mức thực tế, cơ chế thực hiện đã được Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Giải pháp về chính sách hỗ trợ di dời:

- Hỗ trợ di dời: 20 triệu đồng/hộ (Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020).

- Trợ cấp khắc phục thiên tai: 20 triệu đồng/hộ (Công văn số 387/UBND-VX ngày 17 tháng 01 tháng 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung đối tượng và nâng mức trợ cấp, hỗ trợ khắc phục thiên tai theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP tại huyện Cần Giờ).

4. Chính sách đền bù:

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 tháng 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (nay là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 tháng 2009 về quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái và định cư) và các quy định khác có liên quan.

- Những hộ được nhận kinh phí đền bù thuộc các dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt sẽ thực hiện theo nội dung dự án được duyệt.

- Những hộ nhận kinh phí đền bù phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành và sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ di dời theo quy định của đề án được phê duyệt.

5. Giải pháp tuyên truyền vận động:

- Vận động thuyết phục di dời thông qua chính quyền địa phương và các tổ chức Mặt trận, Hội, đoàn thể. Đồng thời, Mặt trận, Hội, đoàn thể địa phương tăng cường vai trò giám sát chính quyền trong việc triển khai thực hiện dự án di dời.

- Thông tin báo đài và các tờ rơi tại địa phương về các chủ trương chính sách của nhà nước khi thực hiện tái định cư;

- Mở các lớp tập huấn tuyên truyền tại địa phương.

6. Giải pháp đào tạo nghề, phát triển sản xuất cho hộ tái định cư:

- Đào tạo nghề cho người dân:

+ Thực hiện theo Kế hoạch số 1352/KH-UBND ngày 28 tháng 3 tháng 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố, về triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 và các đề án đào tạo nghề liên quan khác đang được triển khai thực hiện.

+ Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động: 500 ngàn đồng/lao động và không quá 3.000.000 đồng/lao động/khóa học nghề.

+ Nguồn vốn hỗ trợ: theo đề án đào tạo nghề của thành phố.

- Hỗ trợ vốn phát triển sản xuất:

+ Tạo điều kiện để các hộ tiếp cận với các nguồn vốn vay từ các Quỹ như quỹ hỗ trợ Phát triển sản xuất, quỹ hỗ trợ Xuất khẩu lao động, quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ hỗ trợ nông dân, quỹ CCM.

+ Theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 tháng 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2013 - 2015.

7. Các giải pháp giảm nhẹ thiên tai:

7.1. Giải pháp phi công trình:

- Công tác cảnh báo, dự báo: tăng cường các trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm khí tượng thủy văn ở thành phố, tăng cường các trạm quan trắc trên các sông;

- Tăng cường công tác truyền thông đại chúng;

- Xây dựng các điểm cứu hộ;

- Xây dựng và ban hành quy chế chống tái định cư các vị trí đã thực hiện hoàn thành di dời bố trí dân cư, nêu cao trách nhiệm của địa phương.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì làm việc với các tỉnh có hồ chứa, đập thủy điện để thống nhất đưa ra lộ trình xả lũ nhằm hạn chế gây ngập úng vùng hạ nguồn Thành phố.

- Tăng cường hệ thống cây xanh chống bão tại các vùng ven biển.

7.2. Giải pháp công trình:

- Xây dựng các công trình đê, kè chống sạt lở ven sông đảm bảo cao trình chống ngập có tính đến tình hình nước biển dâng; thường xuyên kiểm tra, gia cố, nhất là khi có dự báo bão, triều cường; xây dựng hồ điều tiết hoặc các trạm bơm cục bộ.

- Chú ý nghiên cứu khả năng tiêu thoát nước, vận hành của cống đập Soài Rạp, Nhà Bè.

8. Giải pháp về vốn đầu tư và nội dung chi đầu tư:

* **Nguồn vốn đầu tư** (theo hướng dẫn tại Công văn số 98/KTHT-QHDC ngày 04 tháng 4 tháng 2012 của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn):

Thực hiện theo Điểm b, Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 tháng 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Điểm b, Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 tháng 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2015; Khoản 4, phần II Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 tháng 2003 của Bộ Tài chính

hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP. Trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương vượt thu Ngân sách, nên nguồn vốn đầu tư thực hiện đảm bảo mục tiêu của đề án, sẽ được bố trí từ ngân sách thành phố, bao gồm:

- Ngân sách địa phương;
- Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia như: xoá đói giảm nghèo, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, ...;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn;
- Vốn huy động hợp pháp khác và vốn tự có của dân.

* **Nội dung chi đầu tư:** Căn cứ theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 tháng 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Vốn đầu tư từ ngân sách Thành phố - nguồn vốn đầu tư phát triển: chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại địa bàn bố trí dân cư, bao gồm: bồi thường, giải phóng mặt bằng; san lấp tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất; giao thông; thủy lợi; nhà trẻ, mẫu giáo, trường, lớp học bậc tiểu học và trung học cơ sở; trạm y tế; hệ thống nước sinh hoạt, và một số công trình thiết yếu khác theo yêu cầu thực tế.

- Vốn đầu tư từ ngân sách thành phố - nguồn vốn sự nghiệp kinh tế: chi chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ di dời là 40 triệu đồng/hộ, bao gồm:

- + Hỗ trợ chi phí di dời : 20 triệu đồng/hộ;
- + Chi trợ cấp khắc phục thiên tai : 20 triệu đồng/hộ.

* **Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư cho Di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai giai đoạn 2014 - 2016:**

Định mức cho 01 hộ di dời phòng tránh thiên tai đến năm 2016:

- **Di dân theo hình thức tập trung** (huyện Cần Giờ và huyện Nhà Bè):

- + Mức đầu tư cơ sở hạ tầng: Huyện Cần Giờ: 80 triệu đồng/hộ
Huyện Nhà Bè: 75 triệu đồng/hộ

+ Mức hỗ trợ di dời và trợ cấp khắc phục thiên tai: 40 triệu đồng/hộ

Cộng chung: Huyện Cần Giờ : 120 triệu đồng/hộ

Huyện Nhà Bè : 115 triệu đồng/hộ

- Di dân theo hình thức xen ghép (Quận 2, Bình Thạnh, Thủ Đức, huyện Bình Chánh):

+ Mức hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng: 50 triệu đồng/hộ

+ Mức hỗ trợ di dời và trợ cấp khắc phục thiên tai: 40 triệu đồng/hộ

Cộng chung: 90 triệu đồng/hộ

*** Tổng nhu cầu đầu tư cho thực hiện di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai giai đoạn 2014 - 2016 là 145,90 tỷ đồng (phụ lục 3), trong đó:**

ĐVT: tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm			Tổng vốn	Tỷ lệ (%)
		2014	2015	2016		
1	Vốn đầu tư phát triển (nguồn ngân sách thành phố)	43,7	29,72	20,72	94,14	64,5
2	Vốn sự nghiệp kinh tế (nguồn ngân sách thành phố)	25,88	15,52	10,36	51,76	35,5
	Tổng cộng	69,58	45,24	31,08	145,90	100

9. Các dự án ưu tiên:

Trong giai đoạn 2014 - 2016 có 07 dự án ưu tiên đầu tư. Cụ thể như sau:

9.1. Dự án di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai cho 788 hộ dân của huyện Cần Giờ (bao gồm 400 hộ di dời phòng tránh bão xã Thạnh An).

+ Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ

+ Ước kinh phí thực hiện: 94,56 tỷ đồng

+ Thời gian thực hiện: 2014 - 2016

9.2. Dự án di dời 232 hộ dân sống trong vùng có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện Nhà Bè.

+ Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè

+ Ước kinh phí thực hiện: 26,68 tỷ đồng

+ Thời gian thực hiện: 2014

9.3. Dự án di dời 108 hộ dân sống trong vùng có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện Bình Chánh.

+ Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh

+ Ước kinh phí thực hiện: 9,72 tỷ đồng

+ Thời gian thực hiện: 2014

9.4. Dự án di dời 51 hộ dân sống trong vùng có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn quận Bình Thạnh.

+ Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

+ Ước kinh phí thực hiện: 4,59 tỷ đồng

+ Thời gian thực hiện: 2014

9.5. Dự án di dời 44 hộ dân sống trong vùng có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn quận Thủ Đức.

+ Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức

+ Ước kinh phí thực hiện: 3,96 tỷ đồng

+ Thời gian thực hiện: 2015

9.6. Dự án di dời 71 hộ dân sống trong vùng có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn Quận 2.

+ Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân Quận 2

+ Ước kinh phí thực hiện: 6,39 tỷ đồng

+ Thời gian thực hiện: 2014

9.7. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định dân cư, cải thiện nâng cao chất lượng, môi trường tái định cư cho các hộ di dời phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố.

+ Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Thời gian thực hiện: 2014 - 2020

* Ủy ban nhân dân quận, huyện khi xây dựng các dự án di dời, đề nghị tổ chức lấy ý kiến của Bộ Tư lệnh Thành phố góp ý, nếu có trùng lặp với các vị trí đặc biệt quan trọng ưu tiên dành riêng cho nhiệm vụ phòng thủ bảo vệ tổ quốc sẽ thống nhất điều chỉnh ngay từ ban đầu trước khi thông qua Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Phần 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các Quận 2, Thủ Đức, Bình Thạnh, huyện Cần Giờ, Nhà Bè, Bình Chánh:

- Rà soát, cân đối, bố trí quỹ nhà, đất để bố trí tái định cư cho các hộ di dời thuộc đề án;

- Lập dự án di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt làm cơ sở để tổ chức thực hiện;

- Tổ chức thực hiện quy hoạch chi tiết các địa điểm bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn;

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, đào tạo nghề, cung cấp nước... trên địa bàn;

- Lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án để thực hiện quy hoạch di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn có hiệu quả;

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu hồi và quản lý phần diện tích thu hồi của các hộ di dời theo đúng quy định.

- Không để trường hợp nào trong diện cần di dời nhưng không được di dời, tăng cường quản lý không để xảy ra trường hợp lấn chiếm ven sông, ven biển sạt lở cần phải di dời khẩn cấp.

- Phải đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, xã hội nơi tái định cư (kết nối giao thông thuận lợi, cấp điện, nước sạch, thông tin liên lạc, trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế xã...), gắn kết với các công trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tái định cư.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì phối hợp Sở Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ đạo thực hiện hiệu quả đề án; hướng dẫn xây dựng và triển khai các dự án đầu tư theo nội dung đề án được duyệt;

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện nắm chắc diễn biến thiên tai để tham mưu kế hoạch tổ chức di chuyển ngay các hộ ở vùng nguy hiểm cao;

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn các quận, huyện đảm bảo hiệu quả về hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ chính sách di dời tái định cư nhằm tạo điều kiện để người dân sớm ổn định cuộc sống.

3. Sở Công Thương: Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Xúc tiến Thương mại Đầu tư Thành phố xây dựng và triển khai đề án khuyến nông, chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ các sản phẩm được sản xuất bởi người dân tại các khu vực bố trí dân cư phòng tránh thiên tai.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện có liên quan thực hiện chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho các hộ di dời, thực hiện trợ cấp đột xuất cho những người, hộ gia đình gặp khó khăn, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ thuộc diện chính sách theo quy định.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch bố trí dân cư hàng năm, 5 năm trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm cho các quận, huyện để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ công tác di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố.

- Công tác bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công của các dự án xây dựng bờ kè ven sông là công việc khó khăn và mất nhiều thời gian nhất, do đó cần có phương án phối hợp chặt chẽ giữa chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân các quận, huyện; ưu tiên tập trung nguồn vốn thực hiện những công trình xây dựng bờ kè tại những vị trí gây nguy hiểm cho người dân, những vị trí sạt lở nghiêm trọng, tránh kéo dài thời gian thực hiện sẽ gây thiệt hại lớn.

6. Sở Tài chính: phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên cân đối, trình Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố về đảm bảo nguồn vốn thực hiện cho các quận - huyện nhằm thực hiện tốt công tác di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố.

7. Cục Thuế Thành phố: hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện việc miễn thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho các hộ di dời của đề án theo quy định.

8. Sở Giao thông vận tải:

- Phối hợp với thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các đơn vị có liên quan tiến hành thường xuyên khảo sát, kiểm tra, rà soát các vùng có nguy cơ sạt lở cao để đề xuất xử lý nhanh; phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền cho người dân xung quanh biết và chủ động phòng tránh;

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án kè bảo vệ sông, kênh, rạch; đồng thời sắp xếp danh mục các khu sạt lở theo mức độ sạt lở, cấp độ xung yếu trên địa bàn để lập kế hoạch ưu tiên đầu tư, tránh đầu tư dàn trải; cần chú ý cao trình của các đê, kè chống sạt lở ven sông khi xây dựng đê án cụ thể; nếu cần thiết có thể lấy thêm ý kiến phản biện hoặc nghiên cứu của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện liên quan quản lý chặt chẽ, kiểm tra việc cấp giấy phép xây dựng các bến, bãi tập kết, kinh doanh vật liệu; yêu cầu các chủ bến bãi cam kết (định kỳ 6 tháng) thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn bờ sông, kênh, rạch tránh gây sạt lở do việc lưu thông và neo đậu các phương tiện vận chuyển vật liệu.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các quận, huyện kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác cát lòng sông trên địa bàn Thành phố trái phép, không phép, nhất là các điểm nóng trên sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

- Ưu tiên thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phòng chống sạt lở nhằm tạo điều kiện để các chủ đầu tư triển khai thực hiện nhanh chóng các công trình, hoàn thành đưa vào sử dụng kịp thời, phát huy hiệu quả phòng, chống sạt lở, bảo vệ sông, kênh, rạch.

10. Sở Quy hoạch - Kiến trúc: hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện lập quy hoạch di dời, sắp xếp các khu dân cư, công trình kiến trúc, kho tàng ra ngoài các khu vực có nguy cơ sạt lở, đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn bờ sông theo quy định.

11. Sở Xây dựng: rà soát số lượng quỹ nhà ở hiện có trên địa bàn thành phố để có kế hoạch hỗ trợ các quận, huyện có nhu cầu về nhà ở cho hộ di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai.

12. Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn có hộ di dời:

- Thường xuyên kiểm tra, báo cáo các khu vực ven sông, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở để lập kế hoạch ứng phó kịp thời, xử lý. Thông báo thường xuyên và liên tục vị trí các bờ sông, kênh, rạch có nguy cơ sạt lở để người dân biết, chủ động di dời, tích cực tuyên truyền vận động, hỗ trợ người dân di dời ra khỏi vùng nguy hiểm đến nơi an toàn.

- Tổ chức sơ tán khẩn cấp người, tài sản ra khỏi khu vực ven sông, kênh, rạch có

nguy cơ cao về sạt lở, nhất là các khu vực đã xảy ra sạt lở nguy hiểm; Kiên quyết vận động di dời người dân đến nơi tạm cư an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra các trường hợp xây dựng công trình trên hành lang bảo vệ bờ sông, kênh, rạch; nếu phát hiện công trình, vật kiến trúc xây dựng trái phép thì kiên quyết xử phạt, buộc tháo dỡ, khôi phục lại nguyên trạng; tổ chức tháo dỡ nếu không chấp hành; ngăn ngừa tình trạng lấn chiếm sau khi di dời giải tỏa.

- Theo dõi, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư, chủ dự án thực hiện xây dựng công trình phòng chống sạt lở, bảo vệ bờ sông, kênh, rạch đúng tiến độ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

PHỤ LỤC 1**Phụ lục 1.a.****Thông kê số hộ phải di dời cấp bách phòng tránh thiên tai
đến năm 2016 chia theo quận huyện***(Ban hành kèm theo Quyết định số 670/QĐ-UBND**ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Quận - huyện	Tổng số cả giai đoạn	
		Hộ	Nhân khẩu
1	Quận 2 (3 phường: Bình Trưng Tây, An Phú, Thạnh Mỹ Lợi)	71	262
2	Quận Bình Thạnh (3 phường: phường 25, 27 và phường 28)	51	134
3	Quận Thủ Đức (3 phường: Hiệp Bình Chánh, Hiệp Bình Phước, Linh Đông)	44	172
4	Huyện Cần Giờ (7 xã, thị trấn)	788 (có 400 hộ phòng tránh bão)	3.152
5	Huyện Nhà Bè (4 xã: Phước Lộc, Phước Kiển, Nhơn Đức, Hiệp Phước)	232	975
6	Huyện Bình Chánh (2 xã: Tân Nhựt và Bình Hưng)	108	380
TOÀN THÀNH PHỐ (6 quận, huyện; 22 phường, xã)		<u>1.294</u>	<u>5.075</u>

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 1**Phụ lục 1.b.****Thống kê số hộ di dời phòng tránh thiên tai
chia theo mức độ sạt lở**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 670/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Địa bàn Quận, Huyện	Tổng số (hộ)	Cấp độ sạt lở	
			Đặc biệt nguy hiểm	Nguy hiểm
1	Quận 2	71	71	-
2	Quận Bình Thạnh	51	51	-
3	Quận Thủ Đức	44	-	44
4	Huyện Nhà Bè	232	232	-
5	Huyện Bình Chánh	108	108	
6	Huyện Cần Giờ	788	-	788 (có 400 hộ di dời tránh bão)
Tổng cộng		1.294	462	832

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2:**Kế hoạch phân bổ thực hiện bố trí dân cư các hộ
phòng tránh thiên tai giai đoạn 2014 - 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 670/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Đơn vị	Phân bổ thực hiện giai đoạn 2014 - 2016			
		Tổng cộng	2014	2015	2016
1	Quận 2	71	71	-	-
2	Q. Bình Thạnh	51	51	-	-
3	Q. Thủ Đức	44	-	44	-
4	Huyện Cần Giờ	788	185	344	259
4.1	<i>Di dời sạt lở</i>	388	85	144	159
4.2	<i>Di dời phòng tránh bão</i>	400	100	200	100
5	Huyện Nhà Bè	232	232	-	-
6	Huyện Bình Chánh	108	108	-	-
Cộng:		<u>1.294</u>	<u>647</u>	<u>388</u>	<u>259</u>

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3:**Tổng hợp bố trí dân cư phòng tránh thiên tai giai đoạn 2014 - 2016
chia theo địa bàn quận, huyện***(Ban hành kèm theo Quyết định số 670/QĐ-UBND**ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Đơn vị	Tổng số hộ (hộ)	Hình thức tái định cư	Định mức đầu tư cơ sở hạ tầng (tr.đ/hộ)	Định mức hỗ trợ di dời (tr.đ/hộ)	Tổng kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	H.Cần Giờ	788	Tập trung	80	40	94,56	2014-2016	Bao gồm cả 400 hộ phòng tránh bão
2	H.Nhà Bè	232	Tập trung	75	40	26,68	2014	
3	H.Bình Chánh	108	Xen ghép	50	40	9,72	2014	
4	Q.Bình Thạnh	51	Xen ghép	50	40	4,59	2014	
5	Q.Thủ Đức	44	Xen ghép	50	40	3,96	2014	
6	Quận 2	71	Xen ghép	50	40	6,39	2014	
Tổng cộng		1.294	- Tập trung: 1.020 hộ			145,90	2014-2016	
			- Xen ghép: 274 hộ					

* **Tổng vốn đầu tư: 145,90 tỷ đồng**, chia ra:

- Vốn đầu tư phát triển : 94,14 tỷ đồng
- Vốn sự nghiệp kinh tế : 51,76 tỷ đồng

* **Phân kỳ vốn đầu tư: 145,90 tỷ đồng**, chia ra:

- **Năm 2014: 69,58 tỷ đồng**
 - + Vốn đầu tư phát triển : 43,7 tỷ đồng
 - + Vốn sự nghiệp kinh tế : 25,88 tỷ đồng
- **Năm 2015: 45,24 tỷ đồng**
 - + Vốn đầu tư phát triển : 29,72 tỷ đồng
 - + Vốn sự nghiệp kinh tế : 15,52 tỷ đồng
- **Năm 2016: 31,08 tỷ đồng**
 - + Vốn đầu tư phát triển : 20,72 tỷ đồng
 - + Vốn sự nghiệp kinh tế : 10,36 tỷ đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 671/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định công tác trực ban phòng, chống thiên tai
và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng chống lụt bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 14/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các Bộ, ngành và địa phương;

Căn cứ Quyết định số 264/2006/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

Căn cứ Quyết định số 17/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-PCLBTW ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương về trực ban phòng chống lụt bão của Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương; Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành;

Căn cứ Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 81/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tại Tờ trình số 241/TTr-PCLB ngày 11 tháng 12 năm 2013 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 57/TTr-SNV ngày 21 tháng 01 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công tác trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định công tác trực ban phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Công tác trực ban phòng, chống thiên tai
và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 671/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, thời gian trực ban

1. Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, sở, ban, ngành, quận - huyện, phường - xã - thị trấn tổ chức bộ phận trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong thời gian quy định.

2. Thời gian trực ban:

a) Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm: tổ chức trực ban theo chế độ 24/24 giờ.

b) Các đơn vị lực lượng vũ trang trực ban theo chế độ quy định của đơn vị.

Điều 2. Thành phần trực ban

1. Trực ban lãnh đạo: các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố và quận - huyện, phường - xã - thị trấn.

2. Trực ban chuyên viên: gồm chuyên viên của các phòng - ban, bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành.

3. Số lượng và nhân sự tham gia trực ban do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành quyết định, tổ chức phân công, giao nhiệm vụ cụ thể bằng văn bản kèm những thông tin cần thiết và thông báo cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên trực tiếp và cấp dưới trực

thuộc biết để liên hệ. Việc bố trí nhân sự trực ban cần sắp xếp khoa học, thay thế luân phiên trong các ca trực nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ và đảm bảo số giờ làm thêm của một người trong năm theo quy định.

4. Khi xảy ra thiên tai, tai nạn, thảm họa các sở, ban, ngành thành phố, quận - huyện, phường - xã - thị trấn phải bố trí đủ thành phần, lực lượng trực ban để đảm bảo xử lý công việc.

Điều 3. Nhiệm vụ chung

1. Tham mưu giúp Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành theo dõi, nắm chắc mọi tình hình liên quan đến thiên tai, tai nạn, thảm họa; diễn biến các công trình phòng, chống thiên tai; tình hình tổ chức lực lượng và huy động nguồn lực để kịp thời ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (bao gồm nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị và các cơ sở vật chất kỹ thuật...) nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại về tính mạng và tài sản do thiên tai, tai nạn, thảm họa gây ra.

2. Đảm bảo truyền đạt thông tin kịp thời trong quá trình điều hành, chỉ huy, chỉ đạo, xử lý trong mọi tình huống nhằm ứng phó khi có thiên tai, tai nạn, thảm họa xảy ra. Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, mệnh lệnh, thông báo, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên trực tiếp để truyền đạt kịp thời đến Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp dưới, các đơn vị trực thuộc, phường - xã - thị trấn, các tổ chức kinh tế - xã hội, đoàn thể và nhân dân để tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo các kế hoạch, phương án đã được phê duyệt. Tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp trong việc tổ chức phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thuộc địa phương, đơn vị quản lý; xử lý các sự cố công trình phòng, chống thiên tai; tổ chức điều động các lực lượng, phương tiện để chi viện cho các địa phương, đơn vị khác.

3. Đảm bảo thông tin, liên lạc, chỉ huy thông suốt trong mọi tình huống từ Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, sở, ban, ngành đến quận - huyện, phường - xã - thị trấn. Báo cáo kịp thời kết quả thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống, huy động lực lượng, phương tiện ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại đơn vị, địa phương mình; nếu vượt thẩm quyền hoặc khả năng giải quyết phải báo cáo ngay cho cơ quan cấp trên để chỉ đạo xử lý kịp thời; đối với Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố để chỉ đạo.

4. Tổng hợp tình hình phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, thảm họa và công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên. Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương II

TỔ CHỨC TRỰC BAN TRONG TÌNH HUỐNG CỤ THỂ

Mục 1

TÌNH HUỐNG BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI, THỜI TIẾT NGUY HIỂM

Điều 4. Công tác trực ban trước khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Thường xuyên cập nhật tin tức, theo dõi, nắm chắc mọi tình hình có liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm như diễn biến, vị trí, cường độ, hướng di chuyển, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng và phân tích, dự kiến các tình huống xấu nhất có thể xảy ra thông qua bản tin dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ; đồng thời, tham khảo thêm dự báo của các cơ quan khí tượng thủy văn quốc tế.

b) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, mệnh lệnh, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố và các Bộ, ngành Trung ương để triển khai thực hiện và phổ biến kịp thời các công điện, chỉ thị, mệnh lệnh, văn bản chỉ đạo đó đến các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố và quận - huyện.

c) Ban hành các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản... để triển khai công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm đến các sở, ban, ngành, đơn vị, quận - huyện. Đặc biệt, kể từ thời điểm có tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ phải thường xuyên liên hệ để nắm tình hình tổ chức, thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó tại các địa phương, đơn vị; xác định các khu vực xung yếu để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo tập trung huy động lực lượng, phương tiện, vật tư chi viện cho quận - huyện, phường - xã - thị trấn thực hiện việc phòng, tránh, ứng phó và tổ chức sơ tán, di dời dân kịp thời, an toàn. Cụ thể như sau:

- Khi nhận tin thời tiết nguy hiểm, tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông và các tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, tin bão trên biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ, tin bão khẩn cấp nằm trong khu vực dưới 06 độ vĩ Bắc (có hướng di chuyển theo hướng Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam hay giữa các hướng trên) hoặc trên 15 độ vĩ Bắc (có hướng di chuyển theo hướng Bắc, Bắc Tây Bắc, Tây Bắc, Tây Tây Bắc hay giữa các hướng trên): soạn thảo công văn để cảnh báo đến các đơn vị, địa phương quản lý tàu thuyền hoạt động đánh bắt thủy sản, đặc biệt là tàu thuyền đánh bắt xa bờ.

- Đối với tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, tin bão trên biển Đông (nằm trong khu vực từ 06 đến 15 độ vĩ Bắc): soạn thảo Công điện yêu cầu các Sở, ban, ngành Thành phố và quận - huyện chuẩn bị phương án phòng, chống, ứng phó.

- Đối với tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ, tin bão khẩn cấp (nằm trong khu vực từ 06 đến 15 độ vĩ Bắc): soạn thảo các Công điện khẩn yêu cầu các Sở, ban, ngành Thành phố, quận - huyện triển khai phương án phòng, chống, ứng phó.

- Đối với tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, tin bão trên đất liền có ảnh hưởng trực tiếp đến Thành phố: soạn thảo các Công điện khẩn yêu cầu các Sở, ban, ngành Thành phố và quận - huyện triển khai phương án khắc phục hậu quả.

d) Đối với tin cảnh báo thời tiết nguy hiểm, tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông: Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn thành phố ủy quyền Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố soạn thảo, ký ban hành công văn yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, quận - huyện chuẩn bị phương án phòng, chống, ứng phó. Các trường hợp tin cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới khác do Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố ký ban hành công điện, công văn yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, quận - huyện triển khai phương án phòng, chống, ứng phó.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định cho Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông và tin bão trên biển Đông: báo cáo nhanh tình hình tàu thuyền 01 lần/ngày.

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ và tin bão khẩn cấp: báo cáo nhanh tình hình triển khai công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới của

Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các cơ quan, đơn vị 02 lần/ngày.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện:

a) Thường xuyên theo dõi, cập nhật tin tức về bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm: diễn biến, vị trí, cường độ, hướng di chuyển, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng.

b) Tiếp nhận công điện, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; **trong khoảng thời gian không quá 15 phút**, truyền đạt, phổ biến kịp thời đến Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn và các cơ quan, phòng - ban, đơn vị trực thuộc. Triển khai công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới và tìm kiếm cứu nạn theo kế hoạch, phương án của đơn vị, địa phương mình; chuẩn bị và triển khai kế hoạch, phương án di dời dân ngay khi có lệnh của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

c) Thực hiện chế độ báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tình hình triển khai, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới của địa phương, đơn vị mình như sau:

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông và tin bão trên biển Đông: báo cáo 01 lần/ngày (trước 10 giờ).

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ và tin bão khẩn cấp: báo cáo 02 lần/ngày (trước 10 giờ và 16 giờ).

3. Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn:

a) Thường xuyên theo dõi, cập nhật tin tức về bão, áp thấp nhiệt đới, các diễn biến, vị trí, cường độ, hướng di chuyển, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng.

b) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện; **trong khoảng thời gian không quá 15 phút** phải thông báo kịp thời, rộng rãi đến các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn, các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn. Thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới;

triển khai kế hoạch, phương án di dời dân ngay khi có lệnh của Ủy ban nhân dân quận - huyện hoặc Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện.

c) Định kỳ báo cáo (ít nhất 01 lần/ngày) cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện về tình hình và kết quả triển khai công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới trên địa bàn quản lý.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố:

a) Triển khai việc phát tín hiệu (vận hành các cột tín hiệu, bắn pháo hiệu) báo bão, áp thấp nhiệt đới theo quy định.

b) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và cơ quan cấp trên; tùy theo tình hình, diễn biến thực tế của bão, áp thấp nhiệt đới triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm tra, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người và tàu thuyền hoạt động trên địa bàn Thành phố và khu vực giáp ranh Thành phố theo Kế hoạch phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của đơn vị. Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn huyện Cần Giờ, Chi cục Quản lý Chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản triển khai thực hiện việc cấm tàu thuyền ra khơi khi có lệnh của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

c) Sẵn sàng phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố và các đơn vị, địa phương thực hiện kế hoạch sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia phòng, tránh, ứng phó khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố.

5. Bộ Tư lệnh Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố:

a) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và cơ quan cấp trên; tùy theo tình hình, diễn biến thực tế của bão, áp thấp nhiệt đới sẵn sàng phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố và các đơn vị, địa phương triển khai kế hoạch sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia phòng, tránh, ứng phó khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố.

b) Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố tiếp nhận các nguồn thông tin cứu nạn, cứu hộ (qua đầu số 114) và phân loại, thẩm định chính xác nguồn thông tin để thông báo ngay đến các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức phối hợp triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Quản lý Chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản:

a) Kiểm tra, nắm số lượng, vị trí tàu thuyền, thuyền viên, số đăng ký tàu thuyền và duy trì thông tin, liên lạc với các tàu thuyền. Thông báo thường xuyên cho các thuyền trưởng, chủ tàu thông tin về bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm trên biển. Báo cáo vị trí, số lượng tàu thuyền, ngư dân ra khơi đánh bắt xa bờ và gần bờ, tàu thuyền đang trú ẩn, nằm bờ về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố như sau:

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông: báo cáo 01 lần/ngày (trước 09 giờ).

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão trên biển Đông, tin bão gần bờ: báo cáo 02 lần/ngày (trước 09 giờ và 15 giờ).

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, tin bão khẩn cấp và bão đổ bộ có ảnh hưởng trực tiếp đến Thành phố: báo cáo 03 lần/ngày (trước 09 giờ, 15 giờ và 20 giờ).

b) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và cơ quan cấp trên; tùy theo tình hình, diễn biến thực tế của bão, áp thấp nhiệt đới tổ chức thực hiện Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố.

Điều 5. Công tác trực ban trong khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Duy trì chế độ thông tin liên lạc liên tục, thường xuyên, cung cấp kịp thời mọi diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới cho các địa phương, đơn vị.

b) Theo dõi, nắm chắc tình hình ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố điều động lực lượng, vật tư, phương tiện ứng phó và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

c) Báo cáo nhanh cho Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban

Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ, ngành liên quan việc thực hiện phương án ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới.

2. Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện:

a) Duy trì chế độ thông tin liên lạc liên tục, thường xuyên, cung cấp kịp thời tình hình ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

b) Chi cục Quản lý Chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản phối hợp Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn huyện Cần Giờ, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố kiểm tra và báo cáo tình hình tàu thuyền ở nơi tránh, trú bão, áp thấp nhiệt đới cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn:

Duy trì chế độ thông tin liên lạc liên tục, thường xuyên, cung cấp kịp thời tình hình ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện.

Điều 6. Công tác trực ban sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

Khi có tin cuối cùng về bão, áp thấp nhiệt đới: nếu có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Thành phố phải tổng hợp, báo cáo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, tình hình thiệt hại, đề xuất, kiến nghị (nếu có) cho Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện:

Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 24 giờ sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua phải tổng hợp, báo cáo tình hình ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và xử lý, khắc phục hậu quả bão, áp thấp nhiệt đới tại đơn vị, địa phương mình; đánh giá, xác định thiệt hại, đề xuất, kiến nghị (nếu có) báo cáo Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn:

Trong khoảng thời gian từ 06 giờ đến 12 giờ sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua phải tổng hợp tình hình ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả bão, áp thấp nhiệt đới tại địa phương mình; đánh giá, xác định thiệt hại, đề xuất, kiến nghị (nếu có) báo cáo Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện.

Mục 2

TÌNH HUỐNG TRIỀU CƯỜNG, MƯA LỚN, XẢ LŨ, SẠT LỎ, LÓC XOÁY, GIÔNG SÉT, ĐỘNG ĐẤT, SÓNG THẦN

Điều 7. Đối với triều cường, mưa lớn

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Khi mực nước tại trạm Phú An, sông Sài Gòn vượt mức báo động **cấp II trở lên**: thông báo cho các cơ quan thông tấn báo, đài để đưa tin cho nhân dân biết và chủ động phòng, tránh; đồng thời, thông báo tình hình triều cường và yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố và quận - huyện thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó và chủ động triển khai thực hiện phương châm “04 tại chỗ”, “03 sẵn sàng”; theo dõi diễn biến tình hình triều cường, phối hợp các địa phương, đơn vị kiểm tra thực địa các tuyến bờ bao xung yếu để yêu cầu các quận - huyện chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư ứng cứu, khắc phục ngay nếu xảy ra sự cố.

b) Khi có dự báo mưa to (từ 51 đến 100 mm) đến mưa rất to (trên 100 mm) kết hợp triều cường: phối hợp với Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng ngập để thông tin cảnh báo đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó hoặc tổ chức di dời. Cập nhật tình hình ngập úng, đề xuất phương án xử lý, ứng phó tình trạng ngập úng do triều cường, mưa lớn gây ra.

c) Chủ động và thường xuyên liên hệ với các quận - huyện trọng điểm để nắm chắc diễn biến của triều cường, mưa lớn, tình hình ngập úng do tràn bờ bao, bể bờ bao, mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống nhân dân trong khu vực; yêu cầu các quận - huyện, đơn vị báo cáo bằng văn bản để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan Trung ương theo quy định.

d) Tổng hợp báo cáo nhanh cho Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình triều cường, mưa lớn 01 lần/ngày, trong trường hợp triều cường, mưa lớn diễn biến phức tạp, xảy ra trên diện rộng, báo cáo 02 lần/ngày.

đ) Khi kết thúc các đợt triều cường, mưa lớn, nếu có ảnh hưởng, thiệt hại phải tổng hợp báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố để tổng kết, đánh giá tình hình và đề xuất, kiến nghị các biện pháp phòng, tránh, ứng phó hiệu quả trong thời gian tới.

2. Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện (đặc biệt là các quận - huyện trọng điểm: quận Thủ Đức, Quận 12, quận Bình Thạnh, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Củ Chi), căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tình hình ảnh hưởng của triều cường, mưa lớn:

Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, thường xuyên theo dõi bản tin dự báo diễn biến thủy triều 05 ngày, lượng mưa của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ và liên hệ với các phường - xã - thị trấn trọng điểm để nắm chắc diễn biến của triều cường, mưa lớn, tình hình, sự cố ngập úng do tràn, bể bờ bao; mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống nhân dân trong khu vực. Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một Thành viên Thoát nước đô thị và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các quận - huyện báo cáo nhanh tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, mức độ, khu vực bị ảnh hưởng, thiệt hại) cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố 01 lần/ngày. Sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn, căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của triều cường, mưa lớn:

Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện, thông báo rộng rãi đến các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là nhân dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu, ven sông, kênh, rạch, vùng trũng thấp. Thường xuyên liên hệ với các khu phố - ấp, tổ dân phố trọng điểm để nắm chắc diễn biến của triều cường, mưa lớn, tình hình, sự cố ngập úng cục bộ hoặc do tràn, bể bờ bao; mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống của nhân dân; thực hiện hiệu quả Phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng”. Báo cáo nhanh tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, khu vực bị ảnh hưởng, mức độ thiệt hại)

cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện 01 lần/ngày. Sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

Điều 8. Đối với xả lũ

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Khi nhận được thông báo xả lũ của hồ Dầu Tiếng - Phước Hòa, Trị An, Thác Mơ, Cắn Đơn và Srok Phu Miêng phải thông báo cho các cơ quan thông tấn báo, đài để đưa tin cho nhân dân biết nhằm chủ động phòng, tránh; đồng thời, thông báo cho Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố, Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một Thành viên Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi, Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý Đường thủy nội địa, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một Thành viên Thoát nước đô thị và các quận - huyện liên quan, cụ thể:

- Xả lũ của hồ Trị An, Thác Mơ, Cắn Đơn và Srok Phu Miêng, thông báo, cảnh báo cho: Quận 2, Quận 7, Quận 9, quận Thủ Đức và huyện Nhà Bè.

- Xả lũ của hồ Dầu Tiếng - Phước Hòa, thông báo, cảnh báo cho: huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, Quận 12, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức, Quận 2, Quận 4, Quận 7 và huyện Nhà Bè.

b) Trong trường hợp lưu lượng xả lũ lớn (hồ Dầu Tiếng - Phước Hòa xả tràn trên 200 m³/s, hồ Trị An xả tràn trên 2.000 m³/s), ban hành văn bản yêu cầu các đơn vị, địa phương thực hiện biện pháp ứng phó với xả lũ.

c) Thường xuyên liên hệ với các địa phương, đơn vị liên quan để nắm diễn biến, tình hình ảnh hưởng của xả lũ. Đồng thời, liên hệ với các đơn vị quản lý hồ chứa để nắm chắc tình hình xả lũ, kịp thời thông tin cho các địa phương, đơn vị; tùy theo tình hình thời tiết, thủy văn tại thành phố (bão, áp thấp nhiệt đới, triều cường, mưa lớn), Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố kiến nghị các đơn vị quản lý hồ chứa có phương án điều tiết lưu lượng xả tràn hợp lý, đặc biệt là đối với hồ Dầu Tiếng.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện, Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một Thành viên Thoát nước đô thị, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một Thành

viên Quản lý Khai thác dịch vụ Thủy lợi; các Sở, ban, ngành Thành phố, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình ảnh hưởng của xả lũ:

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị sẵn sàng khắc phục thiệt hại do xả lũ gây ra, liên hệ thường xuyên với Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn trọng điểm để theo dõi diễn biến xả lũ và khắc phục kịp thời các sự cố do tràn bờ, bể bờ bao gây ra; thực hiện hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng”.

b) Báo cáo sơ bộ tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, khu vực bị ảnh hưởng, mức độ thiệt hại) cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (ít nhất 01 lần/ngày); sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn, căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của xả lũ:

a) Tiếp nhận các chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện; thông báo rộng rãi đến các khu phố, ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là nhân dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu, ven sông, kênh, rạch, vùng trũng thấp. Thường xuyên liên hệ với các khu phố - ấp, tổ dân phố trọng điểm để nắm tình hình ảnh hưởng do xả lũ, sự cố ngập úng cục bộ hoặc tràn, bể bờ bao; mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống của nhân dân; thực hiện hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng”.

b) Báo cáo nhanh tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại) cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện 01 lần/ngày. Sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

Điều 9. Đối với sạt lở, lốc xoáy, giông sét

1. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố):

a) Sau khi nắm thông tin xảy ra sự cố, **không quá 15 phút** phải thông báo đến bộ phận trực ban của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện; thông báo đến các khu phố, ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là nhân dân trong các khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở để tổ chức ứng phó.

b) Định kỳ báo cáo (ít nhất 01 lần/ngày) cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó và xử lý sự cố.

2. Ủy ban nhân dân quận - huyện và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện (nơi xảy ra sự cố), các sở, ngành, đơn vị thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ:

a) Ngay khi nhận được tin xảy ra sự cố **không quá 15 phút**, bộ phận trực ban phải thông báo đến lãnh đạo Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố hoặc bộ phận trực ban (**số điện thoại: 38.297.598**); chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị sẵn sàng khắc phục thiệt hại do sạt lở, lốc xoáy, giông sét; đồng thời liên hệ thường xuyên với Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến tình hình và tổ chức khắc phục kịp thời các sự cố.

b) Báo cáo nhanh tình hình sự cố, thiệt hại và công tác xử lý, tổ chức khắc phục cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (ít nhất 01 lần/ngày); sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

3. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Ngay khi nhận được thông tin sạt lở, lốc xoáy, giông sét từ các địa phương, đơn vị, **trong khoảng thời gian không quá 15 phút** bộ phận trực ban phải điện thoại báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; đồng thời liên lạc với các sở, ngành, đơn vị thành phố chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để hỗ trợ ứng cứu địa phương khi có yêu cầu. Bố trí cán bộ đi thực địa hiện trường để đánh giá nguyên nhân và đôn đốc công tác tổ chức khắc phục sự cố nhanh chóng, hiệu quả và an toàn.

b) Liên hệ, phối hợp các sở, ban, ngành, quận - huyện liên quan: tổng hợp tình hình thiệt hại và các biện pháp khắc phục để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 10. Đối với động đất, sóng thần

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Khi nhận được tin động đất, tin cảnh báo sóng thần từ Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Viện Vật lý Địa cầu), bộ phận trực ban phải điện thoại báo cáo ngay cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố để kịp thời tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các biện pháp xử lý, ứng phó. Liên hệ ngay với Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố để đưa tin khẩn cấp trên các kênh, sóng truyền hình, phát thanh.

b) Tổng hợp tình hình thiệt hại, công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố để báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan Thường trực Phòng và Khắc phục hậu quả động đất, sóng thần):

a) Tiếp nhận thông tin động đất, cảnh báo sóng thần; thực hiện Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần trên địa bàn Thành phố ban hành tại Quyết định số 264/2006/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ đến các Sở, ban, ngành Thành phố, quận - huyện. Triển khai các Phương án phòng, tránh và ứng phó, khắc phục hậu quả các sự cố môi trường do động đất, sóng thần gây ra trên địa bàn Thành phố.

b) Tổng hợp chi tiết trong lĩnh vực tài nguyên môi trường (thống kê tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục) và các đề xuất, kiến nghị báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

3. Các sở, ban, ngành, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình ảnh hưởng của động đất, sóng thần:

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị... sẵn sàng tổ chức di dời dân đảm bảo an toàn tuyệt đối; triển khai phương án chủ động sẵn sàng khắc phục thiệt hại do động đất, sóng thần; liên hệ thường xuyên với Ban Chỉ

huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố và các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến và tổ chức khắc phục kịp thời.

b) Tổng hợp chi tiết (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị) báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn, căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của động đất, sóng thần:

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện; thông báo kịp thời, rộng rãi đến các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân, các khu du lịch, trường học, bệnh viện, các điểm có đông người tập trung trên địa bàn; đặc biệt là nhân dân sống ven biển có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi sóng thần, nhân dân sống trong các chung cư, nhà cao tầng, các chung cư xuống cấp có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi động đất, dư chấn động đất. Đồng thời, triển khai lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, tổ chức di dời dân đến nơi an toàn.

b) Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó, xử lý sự cố động đất, sóng thần và các đề xuất, kiến nghị.

Mục 3

TÌNH HUỐNG SỰ CỐ TRÀN DẦU, CHÁY RỪNG, CHÁY - NỔ, TAI NẠN HÀNG NGÀY VÀ CÁC TAI NẠN THẢM HỌA KHÁC

Điều 11. Đối với sự cố tràn dầu

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Khi nhận được tin sự cố tràn dầu từ các địa phương, đơn vị, **trong khoảng thời gian không quá 15 phút** bộ phận trực ban phải báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố; đồng thời liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận -

huyện nơi xảy ra sự cố tràn dầu để nắm chắc tình hình, mức độ, khả năng ảnh hưởng của sự cố tràn dầu và tổ chức các biện pháp xử lý, ứng phó.

b) Trường hợp xảy sự cố tràn dầu đặc biệt nghiêm trọng, báo cáo nhanh cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn xin ý kiến chỉ đạo để phối hợp với các cơ quan liên quan và tỉnh bạn tổ chức ứng phó.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức triển khai Phương án ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn Thành phố.

b) Tổng hợp, thống kê tình hình thiệt hại, công tác ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu và các đề xuất, kiến nghị báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân các quận - huyện (nơi xảy ra sự cố), Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, các sở, ban, ngành Thành phố liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ:

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của thành phố; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị...; triển khai phương án chủ động sẵn sàng khắc phục thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra; liên hệ thường xuyên với Sở Tài nguyên và Môi trường và các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến và tổ chức khắc phục kịp thời các sự cố tràn dầu.

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện tổng hợp chi tiết (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị) báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố):

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thông báo kịp thời, rộng rãi đến các khu phố - ấp, tổ dân phố, người dân, các hộ nuôi trồng thủy sản, hộ sản xuất muối.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó, xử lý sự cố tràn dầu và các đề xuất, kiến nghị.

Điều 12. Đối với sự cố cháy rừng

1. Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố:

a) Phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng, các quận - huyện có rừng để thực hiện các phương án, kế hoạch chữa cháy rừng.

b) Tổng hợp, thống kê tình hình thiệt hại, công tác ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố cháy rừng và các đề xuất, kiến nghị báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Thường trực Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng:

Khi nhận được thông tin cháy rừng bộ phận trực ban phải điện thoại, báo cáo ngay cho Thường trực Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố và các Ủy ban nhân dân các quận - huyện nơi xảy ra sự cố để phối hợp xử lý; đồng thời bố trí cán bộ kết hợp các đơn vị, địa phương liên quan đi thực địa kiểm tra hiện trường để đánh giá nguyên nhân sự cố, tình hình thiệt hại, các biện pháp khắc phục.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi xảy ra sự cố cháy rừng (đặc biệt là huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn và Quận 9), các sở, ngành, đơn vị Thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ:

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; triển khai phương án ứng phó, khắc phục thiệt hại do cháy rừng gây ra; liên hệ thường xuyên với Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố và các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến và tổ chức khắc phục kịp thời sự cố cháy rừng.

b) Tổng hợp báo cáo cho Ban Chỉ huy cấp Thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

4. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố cháy rừng):

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thông báo đến các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn có khả năng bị ảnh hưởng bởi cháy lây lan, thực hiện phương châm “4 tại chỗ”, triển khai cứu hộ, cứu nạn, di dời dân, kiên quyết không để thiệt hại về tính mạng người dân.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó, xử lý sự cố cháy rừng của địa phương mình.

Điều 13. Đối với sự cố cháy-nổ, tai nạn hàng ngày**1. Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố:**

a) Tiếp nhận các thông tin về sự cố cháy - nổ, sự cố tai nạn hàng ngày xảy ra, triển khai công tác chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

b) Tổng hợp, báo cáo nhanh khi xảy ra sự cố cháy - nổ, sự cố tai nạn hàng ngày có ảnh hưởng lớn về nhân mạng; đồng thời định kỳ (01 tháng/lần) báo cáo kết quả tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

2. Bộ Tư lệnh Thành phố:

Phối hợp với Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị liên quan để hỗ trợ công tác khắc phục sự cố cháy - nổ và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện, phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố):

- Phối hợp với Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố và các đơn vị liên quan để thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Báo cáo nhanh khi xảy ra sự cố cháy - nổ, sự cố tai nạn hàng ngày có ảnh hưởng lớn về nhân mạng; đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý, khắc phục cho cơ quan cấp trên trực tiếp.

Điều 14. Đối với tai nạn, thảm họa khác**1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:**

a) Khi có tai nạn, thảm họa xảy ra phải kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị thành phố, quận - huyện thực hiện các biện pháp ứng phó thích hợp.

b) Tổng hợp tình hình thiệt hại và các biện pháp khắc phục, đề xuất, kiến nghị để báo cáo Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các đơn vị lực lượng vũ trang:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị triển khai ứng phó tình trạng khẩn cấp của lực lượng vũ trang theo từng tình huống tai nạn, thảm họa.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại, các biện pháp khắc phục, đề xuất, kiến nghị cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

c) Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố tiếp nhận thông tin báo nạn qua tổng đài 114, thông báo kịp thời cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố và các sở, ngành, đơn vị, quận - huyện liên quan để phối hợp triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện, các sở, ngành thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình ảnh hưởng của tai nạn, thảm họa:

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố để triển khai ứng phó sự cố tai nạn, thảm họa.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại và các biện pháp khắc phục, đề xuất, kiến nghị cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn, căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của tai nạn, thảm họa:

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện để triển khai ứng phó sự cố tai nạn, thảm họa.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại và các biện pháp khắc phục, đề xuất, kiến nghị cho Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn quận - huyện.

Chương III

CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC TRỰC BAN

Điều 15. Chế độ và nguồn kinh phí

1. Người làm nhiệm vụ trực ban phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được hưởng các chế độ làm thêm giờ, làm đêm theo quy định; tổ chức bố trí cán bộ trực ban luân phiên đảm bảo số giờ trực của mỗi cán bộ không vượt quá 300 giờ/người/năm.

2. Hàng năm, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp bố trí kinh phí để

phục vụ công tác trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Kinh phí chi trả cho công tác trực ban được sử dụng từ nguồn ngân sách phân cấp cho địa phương, đơn vị./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 768/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi phục vụ
sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐTTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống thoát nước Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng

Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/T.U của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đề án Phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 08/TB-VP ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về nội dung kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân tại cuộc họp Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố về đề án quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 173/TTr-SNN ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, Công văn số 102/SNN-CCTL ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giải trình một số nội dung theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Hoàng Quân tại Thông báo số 08/TB-VP ngày 07

tháng 01 năm 2014 về Đề án Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Đề án: Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

2. Địa điểm: thành phố Hồ Chí Minh;

3. Mục tiêu:

Mục tiêu chung: Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 có lồng ghép chương trình biến đổi khí hậu, nước biển dâng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để Thành phố chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến thủy lợi như: chương trình nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát triển nông nghiệp đô thị, xây dựng nông thôn mới, cấp nước phục vụ dân sinh và bảo vệ môi trường.

Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể:

Quy hoạch thủy lợi phục vụ cho các mục tiêu của Quy hoạch sản xuất nông nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 định hướng đến năm 2025, đã xác định phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, mang tính cạnh tranh, hiện đại, bền vững, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, thân thiện môi trường và an toàn vệ sinh sản phẩm.

Mục tiêu mà Quy hoạch thủy lợi sẽ đạt được đến năm 2020, cụ thể như sau:

- Cấp nước tưới cho 15.580 ha cây hàng năm, 8.650 ha cây lâu năm, 1.000 ha sản xuất muối và 7.773 ha nuôi thủy sản;

- Tiêu nước cho 63.623 ha;

- Cấp nước trực tiếp từ kênh Đông là 450.000 m³/ngày đêm.

Để đạt được các mục tiêu trên, nhiệm vụ của đề án phải thực hiện các nội dung sau:

- Đánh giá hiện trạng đầu tư, khai thác, quản lý hệ thống công trình thủy lợi Thành phố.

- Khai thác tổng hợp nguồn nước, rà soát đề xuất giải pháp cấp nước để phục vụ cho phát triển sản xuất bao gồm các ngành: sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, cấp nước phục vụ dân sinh; rà soát đề xuất các giải pháp chống hạn, tiêu úng kết hợp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy rừng. Đề xuất các giải pháp công trình tưới tiêu trọng lực, kiên cố hóa kênh mương v.v.. đảm bảo tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Trên nền tảng mục tiêu chung, xây dựng bước đi hợp lý trong quy hoạch, khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước dân sinh, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đầu tư phát triển ngành trong giai đoạn trước mắt (2014-2020) và lâu dài (tầm nhìn đến 2025).

- Thực hiện đề án quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp không làm ảnh hưởng nhiều đến Quy hoạch thể trận quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ của Thành phố.

4. Phạm vi nghiên cứu:

Trên phạm vi toàn Thành phố Hồ Chí Minh, tập trung tại các vùng sản xuất nông nghiệp ổn định theo Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

5. Phân chia tiểu vùng và dự báo nhu cầu nước

Trên phạm vi các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đề án phân chia thành 04 tiểu vùng:

- **Tiểu vùng 1:** Toàn bộ huyện Củ Chi có nguồn nước tưới chủ yếu lấy từ hệ thống kênh Đông, vùng ven sông Sài Gòn lấy nước trực tiếp từ sông Sài Gòn;

- **Tiểu vùng 2:** Huyện Hóc Môn, Quận 12, quận Bình Tân và Bắc Bình Chánh (phía Bắc sông Bến Lức) sử dụng nước từ hệ công trình thủy lợi nội vùng;

- **Tiểu vùng 3:** gồm Nam Bình Chánh (phía Nam sông Bến Lức) và huyện Nhà Bè, chịu tác động của thủy triều, chủ yếu tưới, tiêu nhờ năng lượng thủy triều, nguồn nước mưa và nước ngầm dưới đất.

- **Tiểu vùng 4:** Toàn bộ huyện Cần Giờ với rừng ngập mặn nguyên sinh. Vùng này bị bao quanh bởi nguồn nước mặn nên chủ yếu sử dụng nước mưa để phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

Tổng hợp nhu cầu nước theo các giai đoạn (đơn vị: triệu m³)

Tiểu vùng	Không xét BĐKH			Có xét BĐKH		
	2013	2020	2025	2020	2025	2050
Tiểu vùng 1	185,20	164,8	171	165,76	172,42	173,66
Tiểu vùng 2	235,25	198,17	190,35	198,72	191,02	191,38
Tiểu vùng 3	87,64	54,6	54,8	54,83	55,13	55,41
Tiểu vùng 4	145,17	149,57	134,49	149,65	134,6	134,69
Toàn vùng	653,27	567,14	550,64	568,97	553,16	555,14

6. Giải pháp quy hoạch thủy lợi Thành phố

Giải pháp quy hoạch thủy lợi cho từng vùng được xác định làm cơ sở xây dựng quy hoạch thủy lợi cho từng vùng. Giải pháp chủ yếu quy hoạch thủy lợi giai đoạn này là nạo vét, duy tu sửa chữa, nâng cấp và hiện đại hóa trang thiết bị quản lý vận hành các công trình thủy lợi hiện có, xây dựng thêm các công trình thủy lợi mới phục vụ nuôi trồng thủy sản và làm muối, đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật công nghệ cao, chương trình xây dựng nông thôn mới; đồng thời bổ sung cấp nước sinh hoạt, công nghiệp cho Thành phố.

Cụ thể như sau:

Tiểu vùng 1 (huyện Củ Chi)

- Nâng cấp hoàn chỉnh hệ thống Kênh Đông, cứng hóa bờ kênh các cấp, hiện đại hóa hệ thống trang thiết bị quản lý vận hành. Nâng cấp hệ thống kênh tiêu các cấp, tiến đến kiên cố hóa các kênh tiêu đi qua khu dân cư tập trung, khu đô thị nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát cũng như giảm kinh phí duy tu nạo vét hàng năm, chống lấn chiếm bờ kênh. Sau năm 2020, tiến hành cứng hóa các bờ vùng của các khu tưới lớn, cánh đồng mẫu lớn.

- Hỗ trợ phát triển nuôi thủy sản dọc kênh Đông và N46 khoảng 200ha.

- Cấp nước sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2025 là 1.350.000 m³/ngày, trong đó lấy nước trực tiếp từ hệ thống kênh Đông là 450.000 m³/ngày.

- Xây dựng hệ thống hàng rào dọc các kênh cấp nước sinh hoạt nhằm bảo vệ, chống ô nhiễm nguồn nước.

- Nâng cấp mở rộng và nạo vét các hệ thống kênh trục tiêu thoát nước: rạch Thai Thai, rạch Bà Thước, Rạch Cầu Đen, rạch Sơn, hệ thống kênh tiêu Đức Lập - Quyết Thắng - Bến Mương - Láng The, kênh Địa Phận và các kênh nhỏ khác.

- Xây dựng hồ điều hòa Bến Mương - Láng The với quy mô diện tích khoảng

450 ha khu vực xã Phước Vĩnh An, xã Tân Thạnh Tây, Tân Thạnh Đông nhằm mục tiêu: tích trữ nước mùa khô, chủ động nguồn nước tưới cho sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu; đồng thời tạo dung tích phòng lũ, giảm ngập úng cho khu vực trong mùa mưa lũ.

Tiểu vùng 2 (huyện Hóc Môn - Bắc Bình Chánh)

- Tiếp tục duy tu, nâng cấp hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh bằng việc nạo vét kênh rạch trong vùng có sản xuất nông nghiệp, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống cống bọng, đê bao bảo vệ kết hợp giao thông nông thôn, hiện đại hóa trang thiết bị quản lý vận hành đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp vùng ven đô thị. Các hệ thống thủy lợi cần nạo vét và nâng cấp gồm các kênh trục chính như: Kênh A, Kênh B, Kênh C, hệ thống Bình Lợi A, Bình Lợi B, đê bao Tân Nhựt... Thiết lập hệ thống quan trắc chất lượng nước trong vùng nhằm giám sát và dự báo chất lượng nước; xây dựng quy trình vận hành chặt chẽ, hợp lý các hệ thống cống phía ngoài để điều tiết nguồn nước đạt chất lượng về các kênh lấy nước tưới để phục vụ sản xuất.

- Các kênh rạch vùng giáp ranh khu dân cư, khu công nghiệp cần được nạo vét mở rộng nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát nước. Các kênh rạch cần nạo vét gồm: rạch cầu Suối, kênh Trung ương...

Tiểu vùng 3 (Nam Bình Chánh - Nhà Bè)

Giải pháp quy hoạch thủy lợi vùng này là nạo vét các kênh rạch, nâng cấp các đê bao kết hợp giao thông nông thôn, bổ sung thêm cống bọng nhằm đảm bảo sản xuất ổn định cho các diện tích nông nghiệp tập trung. Các hệ thống cần nâng cấp như: hệ thống Hóc Huru, Cầu Già, đê bao Tân Liêm, đê bao sông Cần Giuộc...

Tiểu vùng 4 (huyện Cần Giờ)

Hiện nay vùng này đang được đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản và làm muối tại 04 xã phía Bắc Cần Giờ. Định hướng quy hoạch thủy lợi cho vùng này là đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản bằng hệ thống đê bao kết hợp giao thông nông thôn và các kênh trục nhằm cấp và tiêu nước. Đối với sản xuất muối cần xây dựng hệ thống đê bao bảo vệ vùng sản xuất trước triều cường và nước dâng do bão.

7. Ước tổng kinh phí và phân kỳ thực hiện quy hoạch

Tổng hợp kinh phí đầu tư các công trình thuộc quy hoạch thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025: **8.041 tỷ đồng**;

Phân các giai đoạn đầu tư như sau:

- **Giai đoạn 2014 - 2015:** Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới.

Nhu cầu vốn cho giai đoạn 2014-2015: 928 tỷ đồng.

- **Giai đoạn 2016 - 2020:** Đầu tư nâng cấp giai đoạn 1 hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi và hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh; đầu tư hệ thống thủy lợi nuôi tôm thẻ chân trắng; hệ thống thủy lợi phục vụ làm muối tại huyện Cần Giờ; nạo vét, cải tạo, nâng cấp các hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Củ Chi, Bình Chánh.

Nhu cầu vốn cho giai đoạn 2016 - 2020: 2.317 tỷ đồng.

- **Giai đoạn 2021 - 2025:** Kiên cố hóa, cứng hóa bờ kênh, mặt đê, hiện đại hóa quản lý vận hành hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi và hệ thống thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh; xây dựng hồ điều hòa Bến Mương - Láng The và đầu tư các công trình thủy lợi khác trên địa bàn huyện Bình Chánh, Củ Chi, Cần Giờ.

Nhu cầu vốn cho giai đoạn 2021 - 2025: 4.796 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

8. Giải pháp thực hiện quy hoạch

8.1. Giải pháp về quản lý, thực hiện quy hoạch:

Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch thủy lợi bám sát các chương trình, đề án Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn, Phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Tích hợp, lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu trong các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi trên địa bàn Thành phố;

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành Thành phố với các quận, huyện trong việc quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch hạ tầng thủy lợi đảm bảo chất lượng, hiệu quả; định kỳ 5 năm cập nhật, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với chủ trương chính sách, định hướng, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác với các cơ quan chuyên môn, các viện, trường đại học, các nhà khoa học trong ngành nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới, đào tạo nâng cao nguồn nhân lực;

Tăng mức cấp bù thủy lợi phí đáp ứng cho công tác quản lý khai thác, duy tu sửa chữa công trình thủy lợi.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc tham gia quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ nguồn nước.

8.2. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:

Giải pháp về nguồn vốn cho việc thực hiện quy hoạch thủy lợi chủ yếu từ nguồn vốn ngân sách của địa phương và Trung ương.

- Sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Rà soát, sắp xếp bố trí vốn đảm bảo đúng mục tiêu, thời gian hoàn thành các dự án theo quy định.

- Các công trình đầu mối và nội đồng đã được đầu tư khá hoàn chỉnh, tuy nhiên vẫn chưa hoàn toàn đồng bộ. Kinh phí để kiên cố hóa kênh mương thực hiện theo Quyết định số 66/2000/QĐ-TTg về “Về một số chính sách và cơ chế tài chính thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương”. Theo đó kinh phí kiên cố các kênh cấp III và nội đồng do nhân dân góp công lao động, ngân sách địa phương hỗ trợ một phần kinh phí bằng vật liệu xây dựng.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, quy định pháp luật cho phép khu vực tư nhân đầu tư vào các dịch vụ công ngành thủy lợi. Tranh thủ tối đa các nguồn vốn ODA để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn, có tác dụng lan tỏa.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư tư nhân bằng việc thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách hiện hành. Phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động các nguồn lực xã hội cho thủy lợi.

- Đề xuất Trung ương ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, quy định pháp luật về tạo vốn, hỗ trợ vốn để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước theo nhiều hình thức đa dạng và phù hợp như BT, BOT, PPP...

8.3. Về giải pháp bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt

Trước thực trạng về chất lượng nguồn nước trên các sông, kênh rạch hiện nay; giải pháp chính của công tác bảo vệ nguồn nước ở Thành phố Hồ Chí Minh và hạ du Đồng Nai - Sài Gòn là bảo vệ chất lượng nước sông, thu gom và xử lý triệt để chất thải nguy hại và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải. Ngoài việc thành phố tự nỗ lực bảo vệ nguồn nước sông Đồng Nai - Sài Gòn thì cũng rất cần có sự chung tay bảo vệ của các tỉnh thành khác thì chất lượng nước từ thượng lưu về Thành phố mới được cải thiện. Thành phố cũng cần thực hiện một số giải pháp đồng bộ khác như không cấp phép đầu tư mới cho những ngành nghề gây ô nhiễm môi trường; hoàn thiện đề án phân vùng tiếp nhận xả thải trên địa bàn Thành phố; tiếp tục duy trì chương trình

hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất khu vực dân cư vào khu sản xuất tập trung, hoàn chỉnh và hiện đại hóa hệ thống quan trắc chất lượng nước mặt...

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ nội dung Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đã được phê duyệt, các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan tổ chức triển khai thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức công bố nội dung quy hoạch đến các quận - huyện, cơ quan ban ngành của Thành phố để biết và triển khai thực hiện theo mục tiêu, nội dung của quy hoạch này.

- Cụ thể hóa các nội dung của quy hoạch, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch hàng năm, 5 năm đảm bảo nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các chính sách, giải pháp để phát triển ngành thủy lợi Thành phố.

- Theo dõi, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tiến độ thực hiện quy hoạch. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện của từng giai đoạn quy hoạch; đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động thực hiện các công việc liên quan đến quy hoạch thủy lợi thuộc trách nhiệm của đơn vị mình, đồng thời phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết các vấn đề liên quan theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các sở, ban, ngành liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, dự toán chi ngân sách hằng năm, đảm bảo Quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 được thực hiện đúng tiến độ, kế hoạch đầu tư theo các chương trình, dự án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện liên quan và các tỉnh lân cận như Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai để quản lý

chặt chẽ chất lượng nguồn nước trên hệ thống sông, kênh rạch, bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt theo quy chuẩn, quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất nông nghiệp

- Thực hiện rà soát, cập nhật, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, quy hoạch đang thực hiện trên địa bàn các quận huyện đảm bảo phù hợp với quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 được phê duyệt;

- Chịu trách nhiệm công bố các quy hoạch được phê duyệt đến chính quyền cơ sở cũng như người dân; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, đảm bảo quy hoạch được thực hiện theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đầu tư phát triển thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn quản lý.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề xuất kịp thời các nhu cầu về nguồn nước cho sản xuất và dân sinh trên địa bàn quản lý;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Pháp lệnh về Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

Bảng: Tổng hợp kinh phí và phân kỳ đầu tư
(Ban hành kèm theo Quyết định số 768/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục	Kinh phí	Phân kỳ		
			2014-2015	2016-2020	2021-2025
	Tổng cộng	8.041.098	928.036	2.316.827	4.796.235
	TIỂU VÙNG 1 (CỬ CHI)	4.494.028	410.314	837.114	3.246.600
1	Nâng cấp hệ thống kênh Đông	1.725.000	-	585.000	1.140.000
2	Cải tạo, mở rộng rạch Thai Thai	26.352	-	26.352	-
3	Cải tạo, mở rộng rạch Bà Phước	28.162	-	28.162	-
4	Cải tạo, mở rộng rạch Cầu đen	4.200	-	4.200	-
5	Cải tạo, mở rộng rạch Sơn	36.000	-	36.000	-
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống Bền Mương Láng The	243.000	-	136.400	106.600
7	Hồ điều hòa Bền Mương Láng The	2.000.000	-	-	2.000.000
8	Nạo vét kênh Địa Phận	21.000	-	21.000	-
9	Xây dựng nông thôn mới	410.314	410.314	-	-
	TIỂU VÙNG 2 (HM - BBC)	2.140.424	213.011	756.243	1.171.170
1	Nâng cấp hệ thống Hóc Môn - Bắc Bình Chánh	1.655.955	-	484.785	1.171.170
2	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp hệ thống đê xã Bình Lợi	60.030	-	60.030	-
3	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp hệ thống đê xã Tân Kiên	66.006	-	66.006	-
4	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp hệ thống đê xã Tân Nhựt	145.422	-	145.422	-
5	Xây dựng nông thôn mới	213.011	213.011	-	-
	TIỂU VÙNG 3 (NAM BC - NHÀ BÈ)	628.710	222.312	159.754	246.644
1	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp đê bao xã Phong Phú	129.960	-	-	129.960

2	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp đê bao xã An Phú Tây	51.980	-	51.980	-
3	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp đê bao xã Hưng Long	41.660	-	41.660	-
4	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp đê bao xã Tân Quý Tây	33.720	-	33.720	-
5	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp đê bao xã Bình Chánh	17.324	-	17.324	-
6	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp đê bao xã Qui Đức	15.070	-	15.070	-
7	Nạo vét kênh rạch, nâng cấp đê bao xã Đa Phước	116.684	-	-	116.684
8	Xây dựng nông thôn mới	222.312	222.312	-	-
	TIỂU VÙNG 4 (CẦN GIỜ)	777.936	82.399	563.716	131.821
1	Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi tôm thẻ chân trắng	616.412	-	484.591	131.821
2	Hệ thống thủy lợi phục vụ làm muối	79.125	-	79.125	-
3	Xây dựng nông thôn mới	82.399	82.399	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng